

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

{Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo}

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM
TRƯỜNG MẦM NON OZORA NHẬT BẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Trường: Trường Mầm non OZORA NHẬT BẢN được thành lập và đưa vào hoạt động từ tháng 04 năm 2016 Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 30/03/2016 của Ủy ban nhân Quận 7 về việc cho phép thành lập trường Mầm non Ozora Nhật Bản.

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử của nhà trường.

Trường tập trung tại 01 điểm, tọa lạc tại số 8-10, Đường Số 20, KP, Mỹ Gia, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM

Số điện thoại: 028.54170291. Email: ozorakindergarten@gmail.com

Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://www.ozorahcmc.com>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp

Loại hình: Trường mầm non tư thục.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và đào tạo TP.HCM

4. Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ em Nhật Bản sinh sống ở Việt Nam có thể hiểu được văn hóa đất nước mình được sinh ra, có thể ý thức được mình là người Nhật Bản, có cơ hội được giao tiếp, sử dụng tiếng Nhật như tiếng mẹ đẻ trong cuộc sống sinh hoạt ở Việt Nam, trao dồi kỹ năng hội nhập quốc tế cùng nhau hòa nhập, trở thành bạn bè với tất cả mọi người ở nhiều quốc gia, giao lưu với mọi người ở những khu vực địa lý khác nhau, học hỏi văn hóa của các nước lân cận.

Sau khi học ở trường mầm non Ozora Nhật Bản, các bé có trở về Nhật Bản thì các bé vẫn có thể hòa nhập một cách dễ dàng vào các trường tiểu học Nhật Bản.

5. Thông tin cán bộ quản lý:

Hiệu trưởng: **Nguyễn Trinh Tàn** - Quyết định công nhận số 158/QĐ-GDĐT-TC ngày 15 tháng 01 năm 2020 do Sở Giáo Dục & Đào Tạo TP.HCM cấp. Thông tin liên lạc: 0903 730 992. Địa chỉ Email: nguyentrinh_3@ymail.com

6. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Mầm non OZORA NHẬT BẢN là cơ sở giáo dục tư thục do cá nhân người Nhật Bản đầu tư. Nhà trường thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng tuổi đến 5 tuổi.



1. Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo quy định quản lý Nhà nước tại địa phương, phù hợp với đặc thù của giáo dục Nhật Bản, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

2. Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 19 tháng tuổi đến 06 tuổi quốc tịch Nhật Bản theo chương trình giáo dục mầm non Nhật Bản do Bộ Giáo dục Nhật Bản ban hành.

3. Chủ động tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường tư thục; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

5. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

6. Huy động trẻ em Nhật Bản lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật;

7. Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

8. Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

9. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tình hình đội ngũ:

+ Số cán bộ quản lý: 01

+ Số giáo viên: 04

Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019): 04

+ Số nhân viên: 14

- Nhân viên kế toán: 01

- Nhân viên y tế: 01

- Nhân viên văn thư: 01

- Nhân viên nấu ăn: 02

- Nhân viên nuôi dưỡng: 06

- Nhân viên phục vụ: 02

- Nhân viên bảo vệ: 01

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn tìm tòi học hỏi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Công tác chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Chuẩn nghề nghiệp			
			THS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	19	1	5	3	6	5	6	5	8	
I	Giáo viên	4									
1	Nhà trẻ	1			1				1		
2	Mẫu giáo	3	1	2				3			
II	Cán bộ quản lý	1	1	1				1			
1	Hiệu trưởng	1		1							
III	Nhân viên	14									
1	Nhân viên văn thư	1		1				1			
2	Nhân viên kế toán	1		1				1			
3	Nhân viên y tế	1			1			1			
4	Nhân viên khác	11			2	4	5	2	4	5	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT :

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	4	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	502.9	19
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	250	9.5
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	369.5	14
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	50	1.9
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	144	5.5
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	60	2.3
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40	1.5
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	50	1.9

TRƯỜNG
M. N. N.
L. R. A.
T. B. N.
* H.

VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4/4 lớp	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1bộ/ lớp	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	03	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	02	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	0	Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	...		

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		2	2 nam 2 nữ	4 m ² /bé	Nam 1 m ² /bé Nữ 2.3m ² /bé

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường hiện có quy mô 04 nhóm lớp nên chưa triển khai thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục trong trường mầm non theo Thông tư 19/2018/TT-GDĐT ngày 22/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Số trẻ tuyển sinh năm học 2024-2025: 48. (Nhà trẻ: 9; Mầm: 07; Chồi: 17; Lá: 15)

Tổng số nhóm/lớp năm học 2023-2024: 4; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: 01.

Tổng số trẻ: 48 (Nữ: 21)

Số trẻ được ăn bán trú: 48

+ Nhà trẻ: 9, tỷ lệ: 45%; mẫu giáo: 39, tỷ lệ: 60%.

+ Trẻ mẫu giáo hoàn thành chương trình 5 tuổi: 15, tỷ lệ: 100%.

Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 48.

Trẻ khuyết tật: 0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	
	- Từ NSNN cấp	
	- Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	- Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	
	- Chi phí hoạt động	
	- Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
	- Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	8,679,444,640
2	Chi phí	7,941,458,994
3	Thặng dư/thâm hụt	1,237,985,646
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	9,725,041
2	Chi phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	9,725,041
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	1,225
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt	1,225
V	Chi phí thuế TNDN	178,285,889
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	569,426,023

1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ	
3	Kinh phí cải cách tiền lương	

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh:

Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1/Học phí/tháng	12,906,400	12,906,400
2/ Tiền xe đưa đón trẻ	3,226,600	3,226,600

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

- Triển khai thực hiện chuyên đề xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” tại đơn vị, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ. Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường, chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu cần đạt trong năm học 2024-2025. Thực hiện tốt các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.
- Cập nhật đầy đủ mã định danh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh 100%. Từng bước thực hiện kế hoạch chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường /.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT



Hiệu Trưởng

Nguyễn Trinh Tàn